

DANH SÁCH THAM GIA BẢO HIỂM NĂM 2025

STT	Mã TS	Hạng mục công trình	Năm sử dụng	Nguyên giá tiếp nhận	Đánh giá lại	Nguyên giá	Đề xuất mua BH năm 2025
A		CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG		203,139,627,600	4,087,540,400	207,227,168,000	163,786,283,823
		<i>Công trình chính bến 1</i>	2003				
1	NCVKT001	Bến và kè găm		47,875,797,000	1,037,308,935	48,913,105,935	40,694,427,450
2	NCVKT003	Kè bờ và đường bãi trong cảng		23,619,107,400	876,343,866	24,495,451,266	2,361,910,740
		<i>Công trình chính bến 2</i>	2007			-	
3	NCVKT017	Bến và kè găm		111,297,046,400	1,837,114,708	113,134,161,108	77,907,932,480
4	NCVKT019	Kè bờ và đường bãi trong cảng		20,347,676,800	336,772,891	20,684,449,691	8,139,070,720
5	NCVKT050	Đường nối đường 513		1,116,055,218		1,116,055,218	334,816,565
6	NCVKT051	Công trình đường bãi và mạng kỹ thuật tiếp nhận từ Vinashin		28,020,884,709		28,020,884,709	19,614,619,296
7	NCVKT076	Đầu tư, cải tạo nâng cấp đường ven biển phía nam		1,524,732,408		1,524,732,408	1,524,732,408
8	NCVKT077	Đầu tư nâng cấp 1,9 ha bãi và hạ tầng kỹ thuật		13,208,774,163		13,208,774,163	13,208,774,163